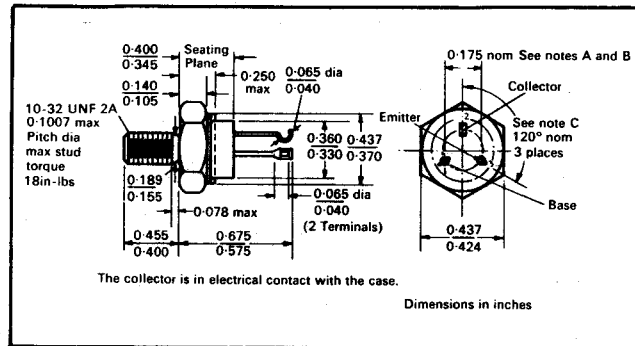
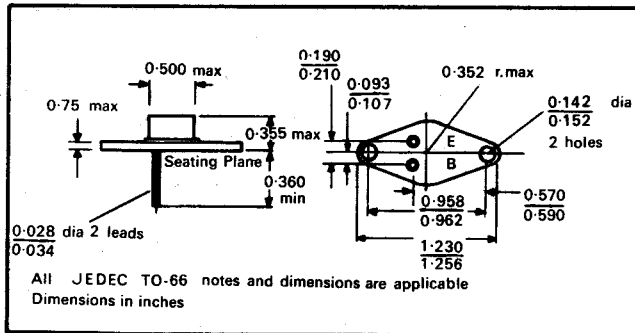


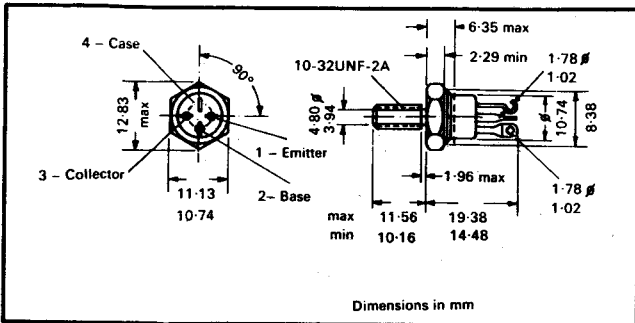
Case Outlines



TO-59



TO-66



TO-111

High Reliability Professional Types

Device Type	Polarity	Outline	Continuous IC	V _{CEO}	hFE @		IC	V _{CE}	V _{CE(sat)}		PT T _C =25°C	PT T _C =100°C
			A	V	Min.	Max.	A	V	Max. @ V	IC A	W	W
TIP541†	NPN	TO-39	2	45	40	200	1	4	0.3	1	—	4
2N5333	PNP	TO-5	2	80	30	120	1	4	0.45	1	—	15
2N2150	NPN	TO-111	2	80	20	60	1	5	1.0	1	—	30
2N2151	NPN	TO-111	2	80	40	120	1	5	1.0	1	—	30
2N4300	NPN	TO-5	2	80	30	120	1	2	0.3	1	—	15
2N4998	NPN	TO-59	2	80	30	90	1	5	0.85	2	35	20
2N5000	NPN	TO-59	2	80	70	200	1	5	0.85	2	35	20
2N5148	NPN	TO-39	2	80	30	90	1	5	0.85	2	7	4
2N5150	NPN	TO-39	2	80	70	200	1	5	0.85	2	7	4
2N4999	PNP	TO-59	2	80	30	90	1	5	0.85	2	35	20
2N5001	PNP	TO-59	2	80	70	200	1	5	0.85	2	35	20
2N5147	PNP	TO-39	2	80	30	90	1	5	0.85	2	7	4
2N5149	PNP	TO-39	2	80	70	200	1	5	0.85	2	7	4
2N5152	NPN	TO-39	2	80	30	90	2.5	5	0.75	2.5	11.7	6.7
2N5154	NPN	TO-39	2	80	70	200	2.5	5	0.75	2.5	11.7	6.7
TIP503	NPN	TO-66	2	120	40	200	1	4	0.6	1	—	20
TIP505	NPN	TO-59	2	120	40	200	1	4	0.6	1	—	20
TIP504	NPN	TO-66	2	150	40	200	1	4	0.6	1	—	20
TIP506	NPN	TO-59	2	150	40	200	1	4	0.6	1	—	20
TIP507	PNP	TO-59	2	150	30	120	1	4	1.5	2	—	20
TIP508	PNP	TO-39	2	150	30	120	1	4	1.5	2	—	4
2N3584	NPN	TO-66	2	250	8	80	1	2	0.75	1	35	20
2N3585	NPN	TO-66	2	300	8	80	1	2	0.75	1	35	20
2N4240	NPN	TO-66	2	300	10	100	0.75	2	1.0	0.75	35	20
2N3902	NPN	TO-3	2.5	400	30	90	1	5	0.8	1	100§	67
TIP501	NPN	TO-39	3	40	25	180	1	.5	0.75	1	6	3.4
2N3719	PNP	TO-5	3	40	25	180	1	.5	0.75	1	6	3.4
TIP502	NPN	TO-39	3	60	25	180	1	.5	0.75	1	6	3.4
2N3720	PNP	TO-5	3	60	25	180	1	.5	0.75	1	6	3.4
2N3418	NPN	TO-5	3	60	10	60	1	2	0.25	1	—	15
2N3420	NPN	TO-5	3	60	15	120	1	2	0.25	1	—	15
2N3419	NPN	TO-5	3	80	10	60	1	2	0.25	1	—	15
2N3421	NPN	TO-5	3	80	15	120	1	2	0.25	1	—	15
TIP529	NPN	TO-61	3	300	25	125	1.5	4	2.5	3	—	67
TIP530	NPN	TO-66	3	300	25	125	1.5	4	2.5	3	—	20

TO-61r See page 22. § T_C = 75°C.